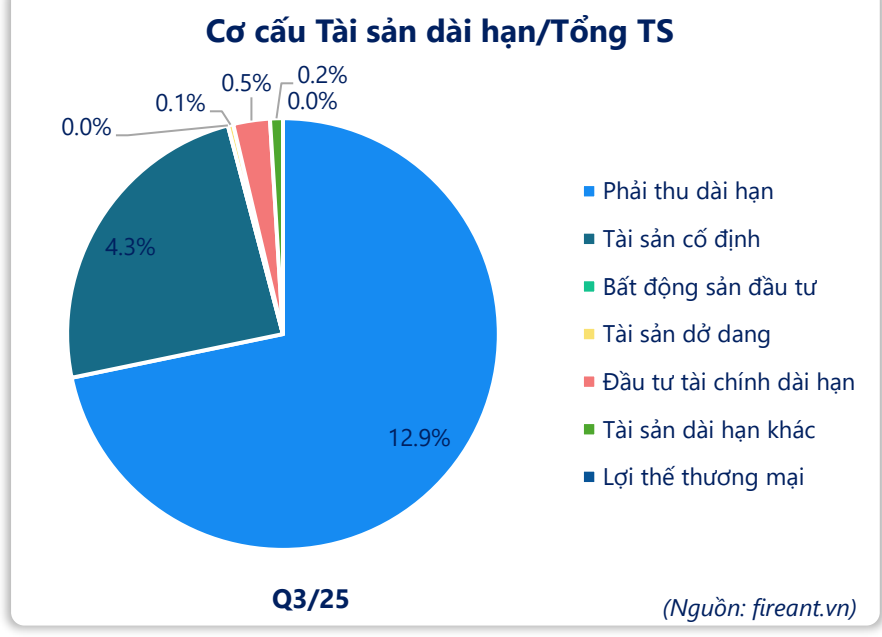
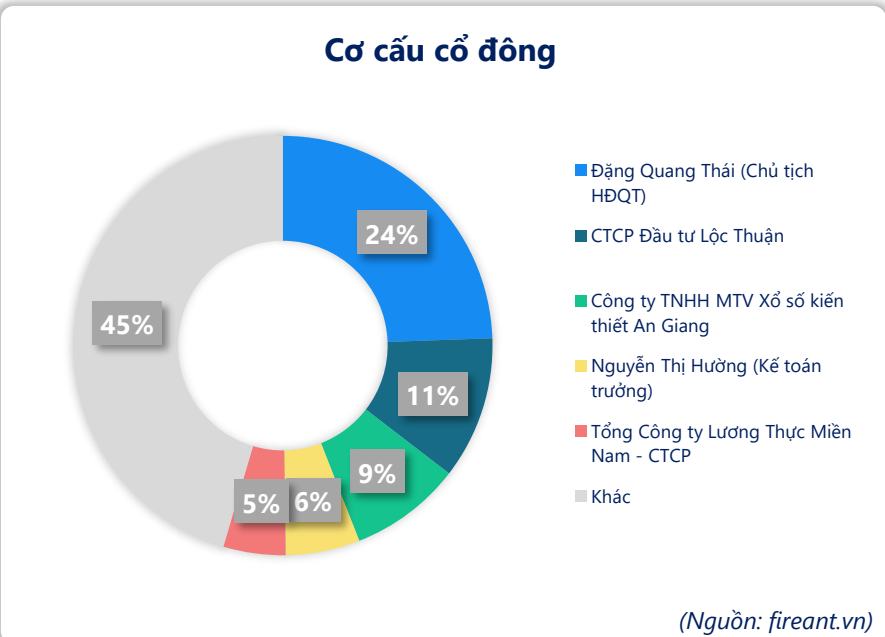
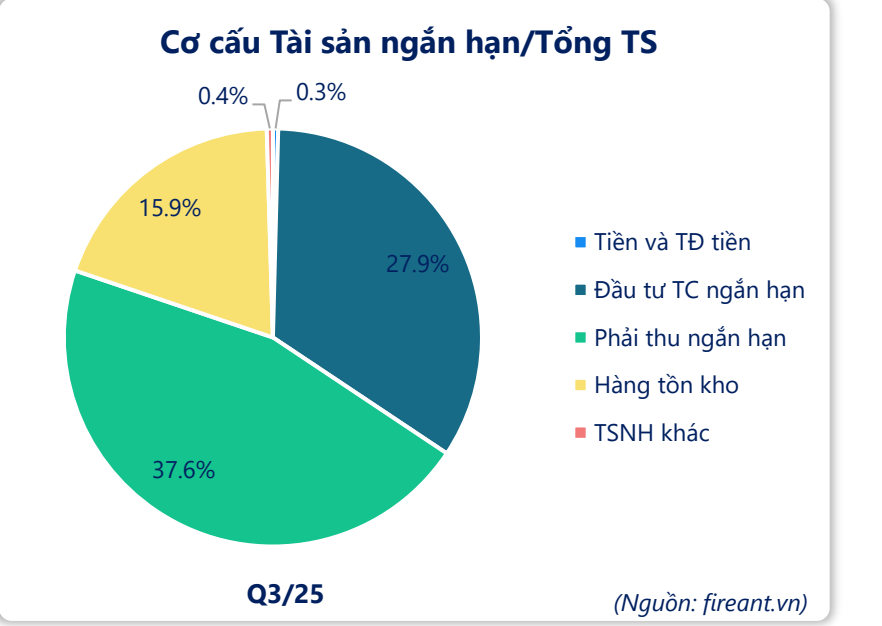
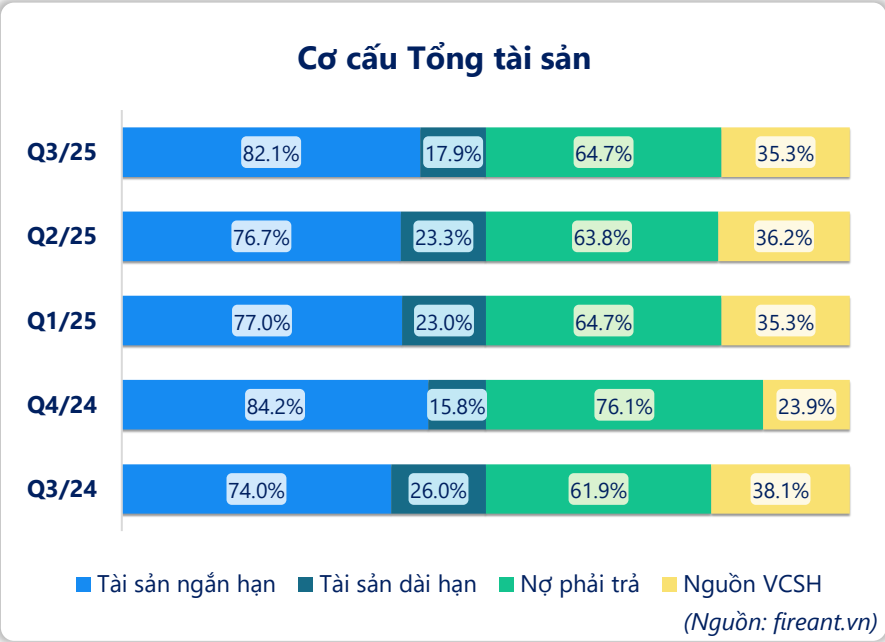
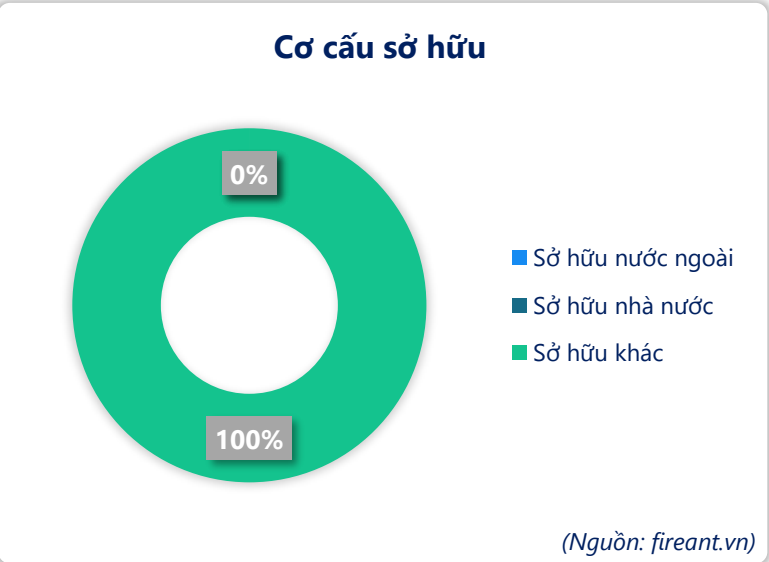
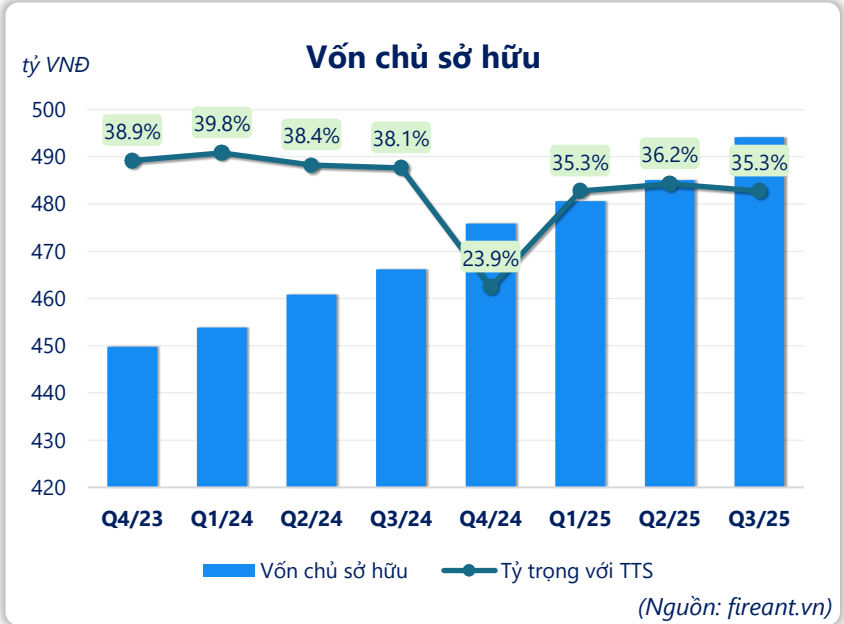
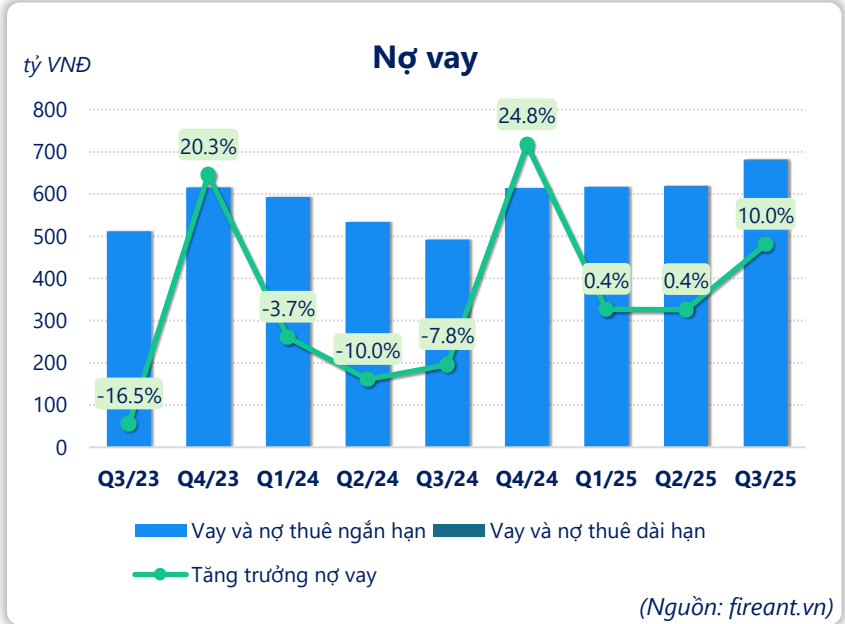
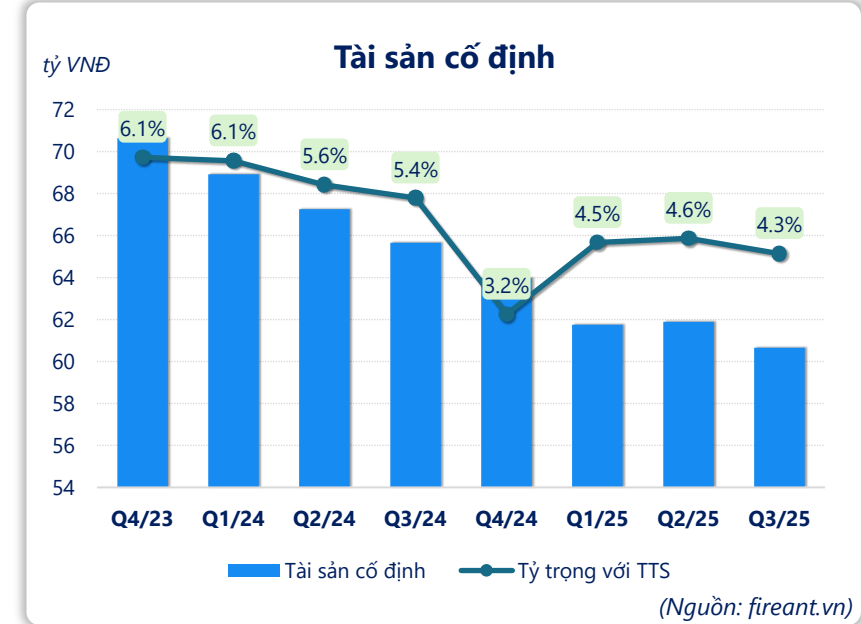
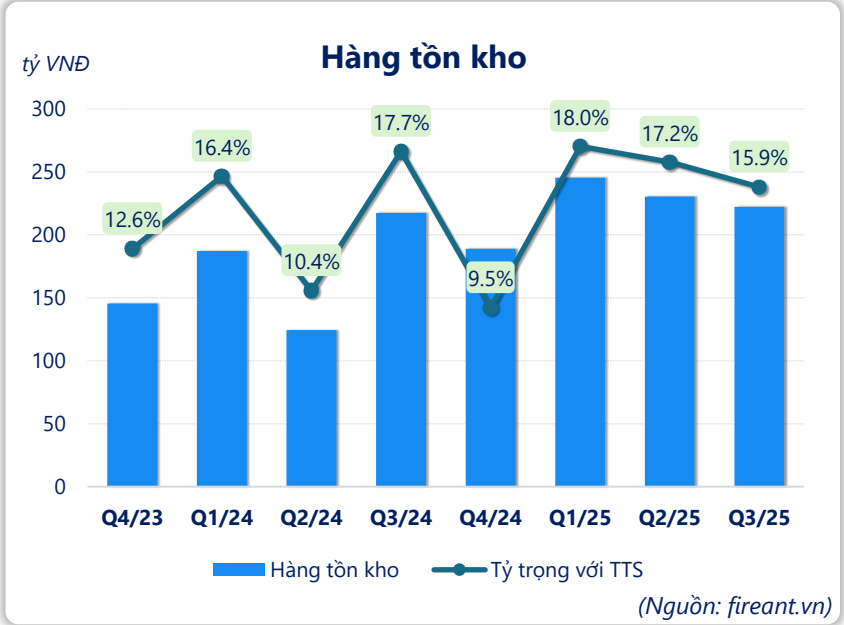
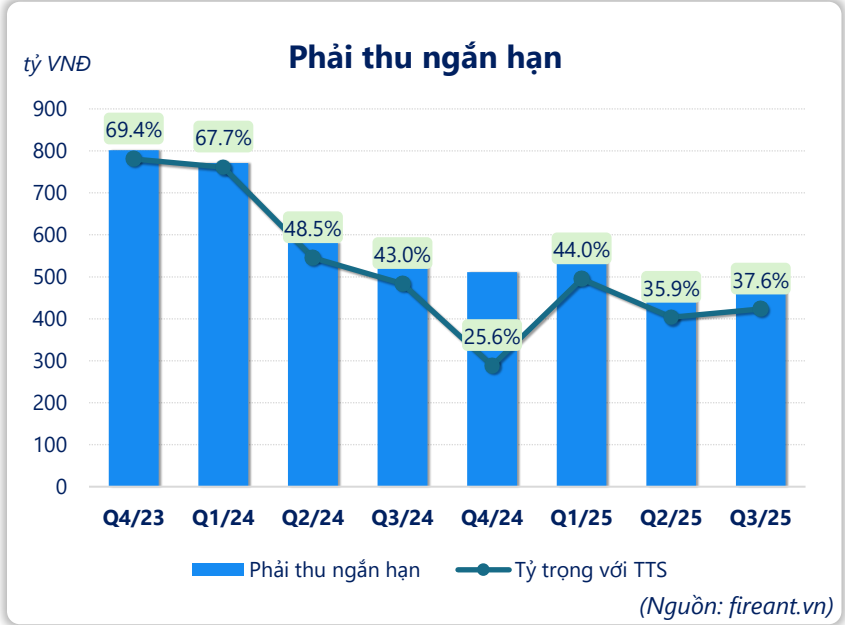
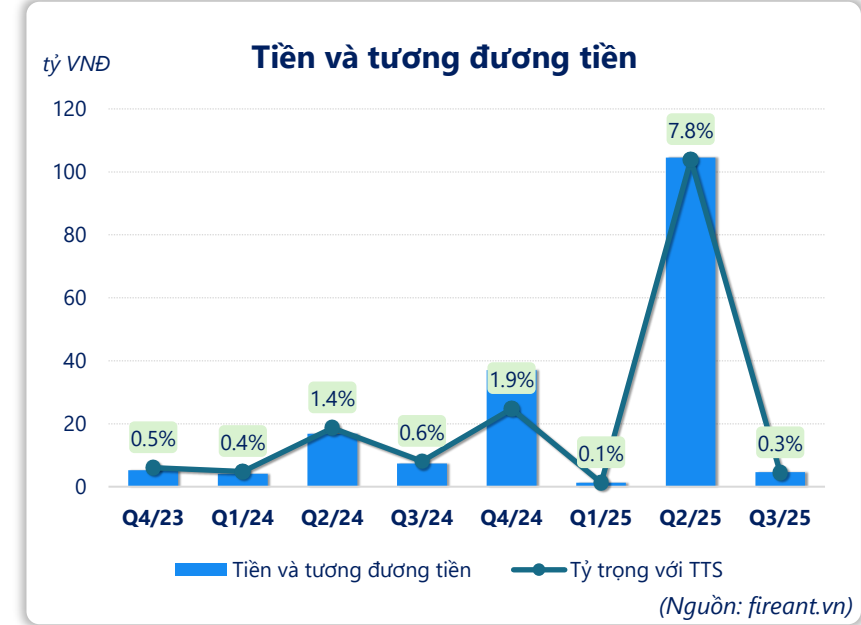
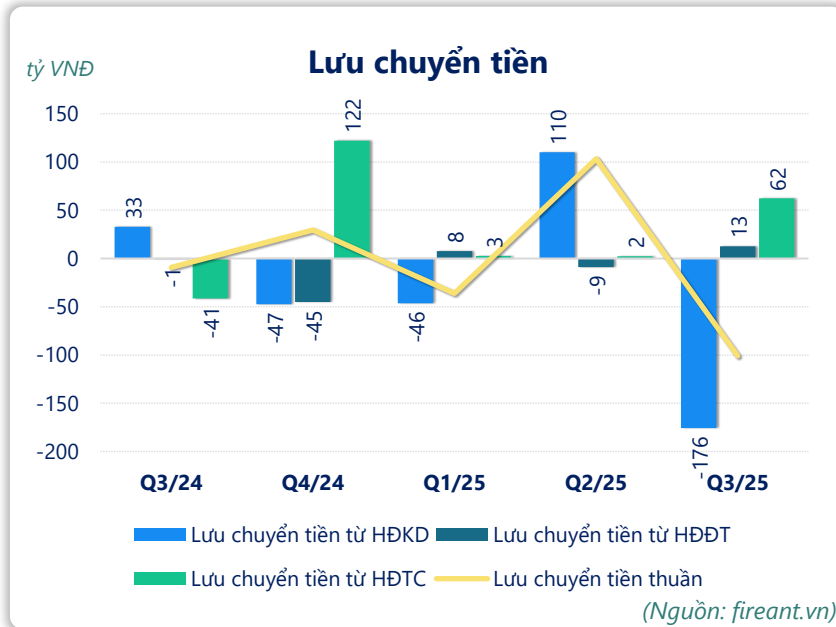
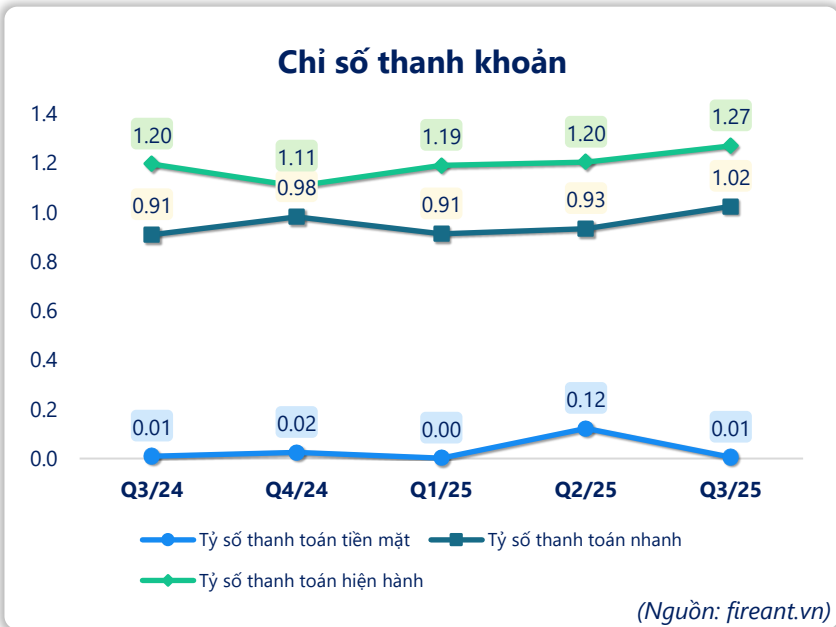
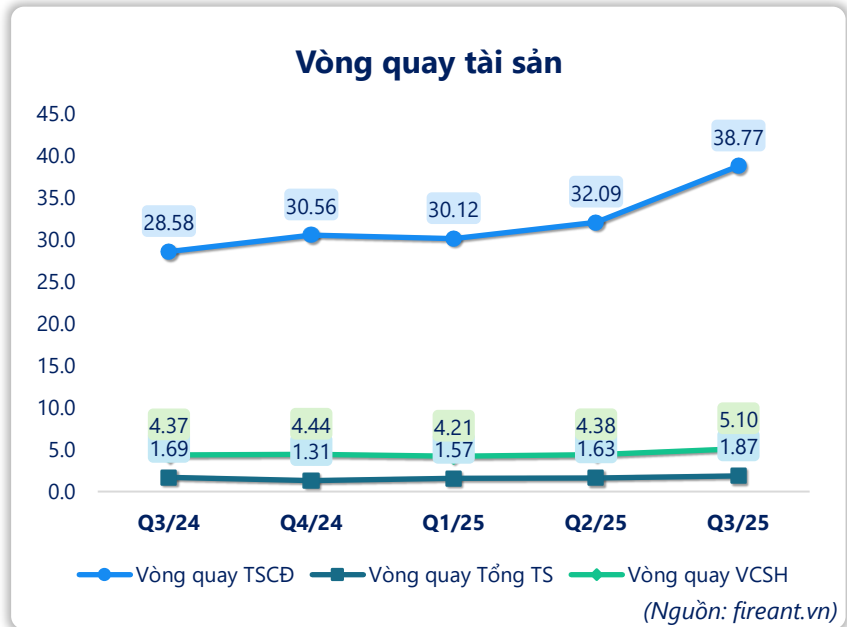
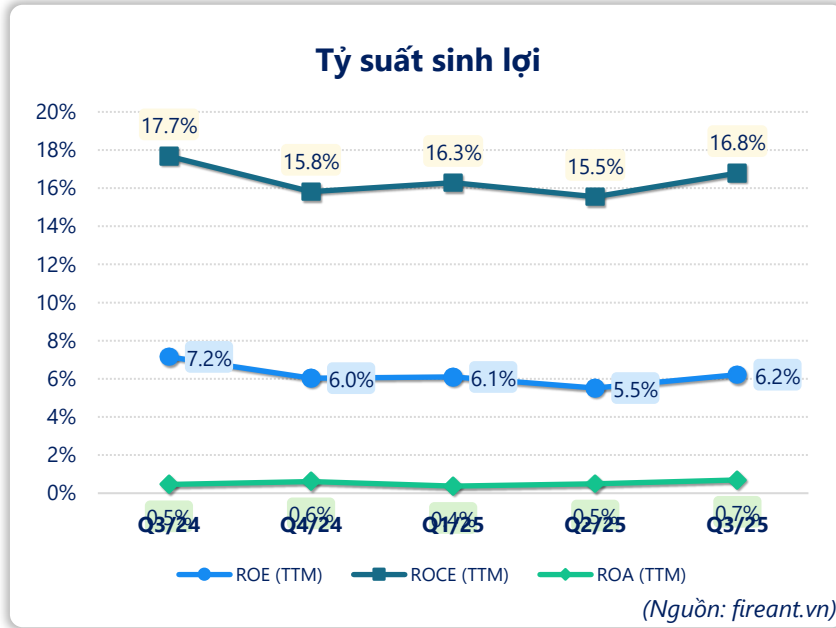
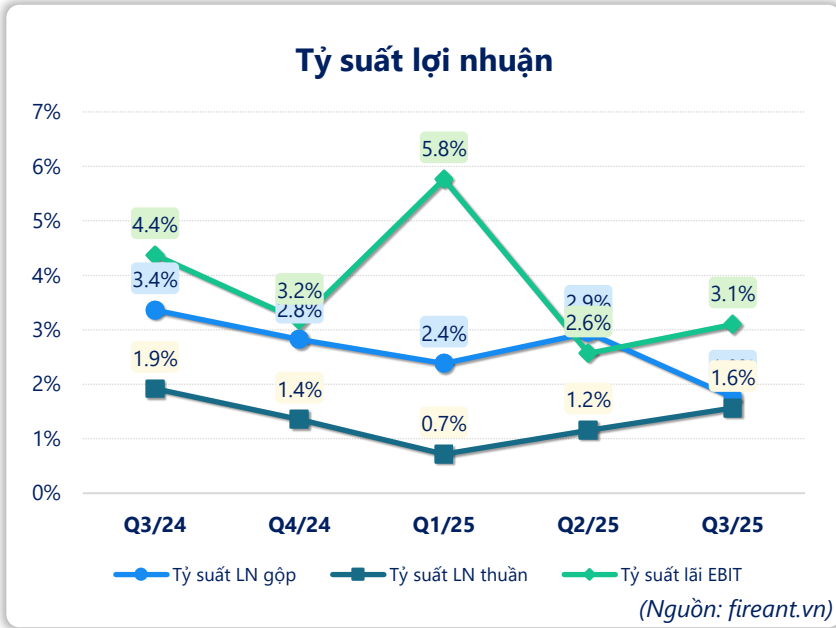
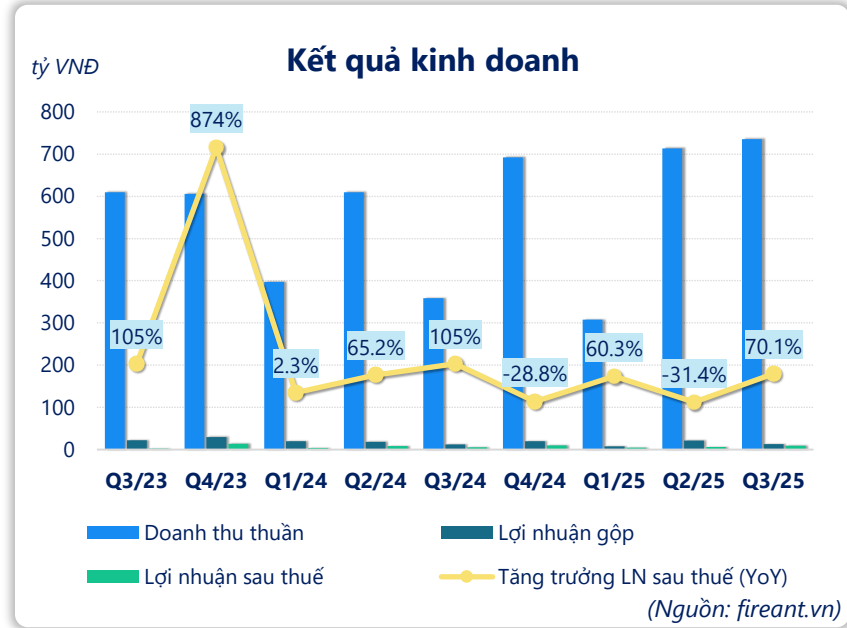


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,400
SL cổ phiếu LH		35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		204,325
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		347
P/E		11.6
EPS		853

	YTD	1T	3T	6T
AFX	30.3%	-2.0%	26.9%	35.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,400	1,994	-29.8%
Tài sản ngắn hạn	1,149	1,679	-31.6%
Tiền và tương đương tiền	4.63	37.1	-87.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	390	940	-58.5%
Phải thu ngắn hạn	527	511	3.0%
Hàng tồn kho	222	189	17.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.42	1.94	180%
Tài sản dài hạn	251	315	-20.2%
Phải thu dài hạn	180	240	-24.9%
Tài sản cố định	60.7	64.0	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.00	0.18	462%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.90	6.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.42	3.98	-39.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	906	1,518	-40.3%
Nợ ngắn hạn	905	1,518	-40.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	680	614	10.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	180	148	21.5%
Nợ dài hạn	1.07	0.39	172%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.06	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	494	476	3.8%
Vốn chủ sở hữu	494	476	3.8%
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	359	692	308	713	735
Giá vốn hàng bán	347	673	301	692	722
Lợi nhuận gộp	12.1	19.5	7.33	21.0	12.9
Doanh thu HĐTC	11.7	9.38	17.4	5.41	19.5
Chi phí TC	9.33	10.1	17.5	10.9	11.8
Chi phí lãi vay	8.97	9.74	11.9	10.4	11.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.64	4.91	2.71	3.95	5.51
Chi phí QLDN	4.93	4.52	2.28	3.38	3.57
LN thuần từ HĐKD	6.88	9.37	2.21	8.24	11.5
Lợi nhuận khác	-0.17	2.81	3.63	-0.30	-0.11
LN trước thuế	6.71	12.2	5.84	7.95	11.4
Lợi nhuận sau thuế	5.37	9.68	4.67	6.37	9.13
LNST của CĐ cty mẹ	5.37	9.68	4.67	6.37	9.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.8	-47.3	-46.3	110	-176
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.79	-45.0	7.68	-9.02	12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.4	122	2.61	2.38	62.2
Tiền đầu kỳ	16.8	7.37	37.1	1.28	104
Lưu chuyển tiền thuần	-9.43	29.7	-36.0	103	-101
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.20	-0.17	0.92
Tiền cuối kỳ	7.37	37.1	1.28	104	4.63

(Nguồn: fireant.vn)